TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST Ngày: 21-03-2023 V/v: Ly hôn, nuôi con giữa anh Đ và chị A.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Bà Lưu Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-03-2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Quốc Đ, sinh năm 1981; Đăng ký thường trú: Số 18/25 phố P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Nguyệt A, sinh năm 1988; Đăng ký thường trú: Số 18/25 phố P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh Đ và chị A có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Ngô Quốc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Nguyệt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống bình thường, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm, liên tục cãi nhau, hai bên đã sống ly thân từ tháng 10-2022 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài,

ngày càng trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Trần Thị Nguyệt A.

- Về con chung: Anh Ngô Quốc Đ xác nhận vợ chồng có hai con chung là Ngô Danh K, sinh ngày 20-10-2015 và Ngô Minh Kh, sinh ngày 06-9-2017. Anh có nguyện vọng được nuôi cháu K và nhất trí giao cho chị a nuôi cháu Kh, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh Ngô Quốc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-01-2023, chị Trần Thị Nguyệt A trình bầy: Chị xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn, con chung anh Đ trình bầy là đúng. Chị xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân nên chị nhất trí ly hôn anh Đ. Hiện tại cháu Kh đang sống với chị nên nếu ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu Kh, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 16-03-2023 và tại phiên tòa chị Trần Thị Nguyệt A yêu cầu anh Đ nuôi cả hai con chung vì chị phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, sức khỏe kém nên không có điều kiện nuôi con, chị đang là nhân viên Công ty Cổ phần cấp nước N nên chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ. Anh Đ không nhất trí đề nghị này của chị A.

Chính quyền địa phương nơi chị A và anh Đ cư trú đã xác nhận nội dung tình trạng hôn nhân, con chung trong đơn anh Đ trình bầy.

Cháu Ngô Danh K trình bầy: Nếu bố mẹ ly hôn, đề nghị được ở với bố để ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Quốc Đ và chị Trần Thị Nguyệt A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Ngô Quốc Đ nuôi dưỡng con chung là Ngô Danh K, sinh ngày 20-10-2015; giao cho chị Trần Thị Nguyệt A nuôi dưỡng con chung là Ngô Minh Kh, sinh ngày 06-9-2017. Chị A và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Anh Ngô Quốc Đ và chị Trần Thị Nguyệt A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Quốc Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Ngô Quốc Đ và chị Trần Thị Nguyệt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị A và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị A và anh Đ chọn giải pháp sống ly thân mỗi người một nơi nên mặc dù đã được Tòa án động viên, hòa giải nhưng anh Đ và chị A đều đề nghị ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xử thuận tình ly hôn giữa chị A và anh Đ theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu K, đồng thời cháu K cũng có lời khai đề nghị được ở bố nên Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là Ngô Danh K, sinh ngày 20-10-2015 cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Nguyệt A hiện đang là nhân viên Công ty Cổ phần cấp nước N nên có đủ điều kiện để nuôi con chung, vì vậy đề nghị anh Đ nuôi cả hai con chung của chị A không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Để đảm bảo lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho anh Đ nuôi cháu K, chị A nuôi dưỡng cháu Kh, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp và đúng với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Nguyệt A và anh Ngô Quốc Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Quốc Đ là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH14 ngày 30-6-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Quốc Đ và chị Trần Thị Nguyệt A.

2. Về con chung: Giao cho anh Ngô Quốc Đ nuôi dưỡng con chung là Ngô Danh K, sinh ngày 20-10-2015; giao cho chị Trần Thị Nguyệt A nuôi dưỡng con

chung là Ngô Minh Kh, sinh ngày 06-9-2017. Anh Ngô Quốc Đ và chị Trần Thị Nguyệt A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Ngô Quốc Đ và chị Trần Thị Nguyệt A có quyền và nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Quốc Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Ngô Quốc Đ đã nộp theo biên lai số 0005745 ngày 21-12-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Quốc Đ và chị Trần Thị Nguyệt A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường T, TP. N (số 37/2015);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng